

Bản án số: 37/2021/DS-ST  
Ngày: 11- 11 - 2021  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Hồng Châu;
2. Bà Trần Ngọc Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Thái Thị Yến – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 05/5/2021 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số 40/TB-TA ngày 26/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: 7/24 khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: 7/24 khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1952; địa chỉ thường trú: 7/24 khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt

3.2. Bà Nguyễn Thị Hòa B, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: 7/24 khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương g; Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt

3.3. Chị Nguyễn Huỳnh Phương T, sinh năm 1999;

3.4. Anh Nguyễn Huỳnh Minh T1, sinh năm 2001;

Cùng trú tại: 7/24 khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;  
Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt

3.5. Chị Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1994;

3.6. Chị Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1997;

Cùng trú tại: 7/24 khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.  
Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt

3.7. Ngân hàng N - Chi nhánh Thủ Dầu Một; địa chỉ: Số 9 Đoàn Trần Nghiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị A trình bày:*

Ông Huỳnh Văn K và bà Phạm Thị M là vợ chồng có tất cả 02 người con chung, không có con riêng gồm Huỳnh Văn T, sinh năm 1974 và Huỳnh Thị A, sinh năm 1979. Năm 1998 ông K và bà M ly hôn nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 40/CNTL ngày 27/5/1998 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An. Đến năm 2000, ông K có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T một phần đất có diện tích 564m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01354 QSDĐ/CĐBC ngày 13/4/2000 cho hộ ông Huỳnh Văn K. Quá trình quản lý sử dụng, ông K có xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất và nộp thuế quyền sử dụng đất đầy đủ. Năm 2000 ông K sửa chữa thành 02 căn nhà cấp 4 trên đất và cho bà A, ông T mỗi người một căn nhà (ngang 5m x dài 20m), còn lại 02 mét đất ở giữa thì ông K xây 01 căn cho ông K ở và để thờ cúng ông, bà. Ngoài ra, khi còn sống ông K có gửi một khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- Chi nhánh Thủ Dầu Một số tiền 200.000.000 đồng. Đồng thời, ông K có mua một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 61H9-6730. Ngày 30/12/2018 ông K chết không có lập di chúc phân chia các tài sản trên. Do anh em không tự phân chia được di sản thừa kế của cha để lại nên bà Huỳnh Thị A khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn K chết để lại, cụ thể bà An được nhận ½ giá trị di sản như sau:

+ Bà Huỳnh Thị A được hưởng một phần đất diện tích 282m<sup>2</sup> trong tổng diện tích đất 564m<sup>2</sup> gắn liền với căn nhà cấp 4 ông K cho bà An thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

+ Nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Dream, biển số 61H9-6730. Bà An sẽ thanh toán lại cho ông Huỳnh Văn T trị giá ½ chiếc xe bằng tiền theo kết quả định giá là 6.000.000 đồng.

+ Và nhận ½ số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N- Chi nhánh Thủ Dầu Một là 100.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai ngày 16/12/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:* Thống nhất lời khai của nguyên đơn bà Huỳnh Thị A về mối quan hệ huyết thống, hàng thừa kế và khối di sản của ông Huỳnh Văn K chết để lại chưa chia. Nay bà A khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông K thì ông T không thống nhất. Vì khi ông K còn sống đã xây dựng cho mỗi người con

mỗi người 01 căn nhà cấp 4 trên đất, diện tích ngang 5m, dài 20m, phần 02 m còn lại chính giữa hai căn nhà thì ông K xây nhà để thờ cúng ông bà nên ông T không đồng ý phân chia phần nhà thờ này. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Dream, biển số 61H9-6730, đây là di vật của ông K nên ông T không đồng ý giao cho bà A mà ông T sẽ gìn giữ để thờ cúng ông K và sẽ thanh toán lại cho ½ trị giá chiếc xe cho bà A theo kết quả định giá số tiền là 6.000.000 đồng. Đối với khoản tiền gửi tiết kiệm 200.000.000 đồng của ông Huỳnh Văn K tại Ngân hàng N – Chi nhánh Thủ Dầu Một thì ông T thống nhất yêu cầu của bà An đồng ý nhận ½ số tiền.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trình bày:* Bà Phạm Thị M và ông Huỳnh Văn K chung sống với nhau có 02 người con chung tên Huỳnh Văn T và Huỳnh Thị A. Năm 1998 ông K và bà M ly hôn nhau theo quyết định số 40/CNTL ngày 27/5/1998. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01354 QSDĐ/CĐBC ngày 13/4/2000 cho hộ ông Huỳnh Văn K là tài sản riêng của ông K sau khi ly hôn. Bà Mít xác định không quyền lợi hay đóng góp gì trong tài sản nên không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà A.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hòa B trình bày:* Thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Huỳnh Văn T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị A, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

*Tại các bản tự khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Huỳnh Phương Th, anh Nguyễn Huỳnh Minh T, chị Huỳnh Thị Kim H và chị Huỳnh Thị Thu H1 thống nhất trình bày:* Từ nhỏ sống cùng với cha, mẹ theo hộ khẩu tại địa chỉ 7/24 khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, nhưng không có công sức đóng góp hay quyền lợi liên quan gì trong khối tài sản tranh chấp. Không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

*Tại công văn số 17/NHNo-TDM ngày 14/12/2020 và công văn số 03/NHNoTDM-VB ngày 31/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – Chi nhánh Thủ Dầu Một có ý kiến:* Ngày 26/6/2015 ông Huỳnh Văn K có gửi tiết kiệm số tiền 250.000.000 đồng, kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng. Đến ngày 26/6/2017 ông K có rút số tiền 50.000.000 đồng. Hiện số dư gốc còn lại đến ngày 11/11/2021 là 200.000.000 đồng và 25.271.000 đồng tiền lãi. Ngân hàng sẽ thực hiện chi trả số tiền tiết kiệm của ông Huỳnh Văn K theo quyết định của Tòa.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đồng ý chia cho nguyên đơn ½ quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn K để lại tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; ½ số tiền của ông Huỳnh Văn K tại Ngân hàng N– Chi nhánh Thủ Dầu Một. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Dream, biển số 61H9-6730, ông T không đồng ý giao cho bà An mà ông T sẽ gìn giữ để thờ cúng ông K và sẽ hỗ trợ cho bà An số tiền 10.000.000 đồng để mua xe khác làm phương tiện đi lại.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy

định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

- Bà An được nhận  $\frac{1}{2}$  số tiền tiết kiệm 200.000.000 đồng đang gửi tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Thủ Dầu Một; diện tích đất có chiều ngang 5m x dài 47m và tài sản trên phần diện tích đất (trương ứng với căn nhà số 2 và ki ốt số 3) mà bà A đang quản lý sử dụng;

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn về việc không trên chấp tài sản trên đất.

- Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện bà A yêu cầu nhận hiện vật là xe mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 61H9-6730. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc hỗ trợ cho bà An  $\frac{1}{2}$  giá trị xe dream số tiền 10.000.000 đồng.

- Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán  $\frac{1}{2}$  giá trị đất ngang 2m x dài 47m cho bà An.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Phạm Thị M, bà Nguyễn Thị Hòa B, chị Nguyễn Huỳnh Phương Th, anh Nguyễn Huỳnh Minh T, chị Huỳnh Thị Kim H, chị Huỳnh Thị Thu H1 và Ngân hàng N – Chi nhánh Thủ Dầu Một đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt tất cả giai đoạn tố tụng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị A khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Văn T yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật di sản của ông Huỳnh Văn K chết để lại gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01354 QSDĐ/CĐBC ngày 13/4/2000 cho hộ ông Huỳnh Văn K; số tiền ông K gửi tiết kiệm 200.000.000 đồng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Dream, biển số 61H9-6730. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thể hiện diện tích đất nguyên đơn tranh chấp tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ huyết thống các đương sự thống nhất trình bày: Ông Huỳnh Văn K (sinh năm 1948 - chết ngày 30/12/2018) có vợ là bà Phạm Thị M và có 02 người con chung tên Huỳnh Văn T, sinh năm 1974 và Huỳnh Thị A, sinh năm 1979. Năm 1998, ông K và bà M ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 40/CNTT ngày 27/5/1998 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An. Ông K chết không để lại di chúc. Do đó, hàng thừa kế của ông K gồm có ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị A.

[4.2] Di sản của ông K để lại gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 564m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp GCN QSDĐ số 01354 QSDĐ/CĐBC ngày 13/4/2000 cấp cho hộ ông Huỳnh Văn K; số tiền gửi tiết kiệm 200.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Thủ Dầu Một và 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 61H9-6730.

[4.3] Theo biên bản đo đạc, định giá tài sản xác định: Quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn K chết để lại có tổng diện tích 564m<sup>2</sup> HNK (trong đó có 48,3m<sup>2</sup> HNK thuộc HLATĐB), giá 12.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Trên thửa đất có tài sản gồm: Nhà ở (1) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,7m<sup>2</sup>; ki-ốt (1) diện tích 25,5m<sup>2</sup> (trong đó 13,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); ki-ốt (2) diện tích 19,2m<sup>2</sup> (trong đó 9,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); 01(một) điện kế chính; nhà thờ (3) kết cấu nhà một tầng, cột gạch mái ngói, tường gạch, xây tô, nền gạch bông, diện tích 17,9m<sup>2</sup>, 01 (một) giếng khoan; 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 61H9-6730 do ông Huỳnh Văn T đang quản lý sử dụng; bà Huỳnh Thị A đang quản lý sử dụng nhà ở (2) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,3m<sup>2</sup>; ki-ốt (3) diện tích 36,5m<sup>2</sup> (trong đó 14m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB) và 01(một) điện kế chính. Các đương sự thống nhất khi còn sống ông Huỳnh Văn K đã xây dựng 03 căn nhà ở trên đất và cho ông T, bà A mỗi người sử dụng 01 căn nhà, còn một căn ở giữa ông K ở và thờ cùng ông bà. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất và xác định ai được hưởng chia phần đất nào thì hưởng các tài sản gắn liền đất phân chia nên tòa ghi nhận. Đồng thời, ông T và bà A cam kết tự nguyện tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trên đất nông nghiệp thuộc hành lang an toàn đường bộ nên ghi nhận.

[4.4] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất chia đôi số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh Thủ Dầu Một số tiền tiết kiệm 200.000.000 đồng. Mỗi người được hưởng 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền được hưởng. Xét sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Đối với 01 chiếc mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 61H9-6730, nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nhận di sản và đồng ý thanh toán ½ trị cho người còn lại. Xét từ sau khi ông K chết, ông T là người quản lý, giữ gìn chiếc xe mô tô đến nay nên cần

tiếp tục giao cho ông T được nhận hiện vật chiếc xe là hợp lý. Tại biên bản định giá tài sản xác định chiếc xe trị giá 6.000.000 đồng, tại phiên tòa ông T tự nguyện thanh toán lại cho bà Huỳnh Thị A  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe với số tiền là 10.000.000 đồng nên ghi nhận.

Đối với diện tích đất 564m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp GCN QSDĐ số 01354 QSDĐ/CĐBC ngày 13/4/2000 cấp cho hộ ông Huỳnh Văn K. Xét nguồn gốc đất do ông Huỳnh Văn K nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) B xác nhận ngày 18/02/2000 và được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An đồng ý giải quyết ngày 23/3/2000. Quá trình tố tụng, các thành viên trong hộ ông Huỳnh Văn K đều xác định không có quyền lợi hay đóng góp gì đối với quyền sử dụng đất trên, đây là tài sản riêng của ông Huỳnh Văn K. Do đó, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất nêu trên là di sản của ông Huỳnh Văn K để lại chưa chia. Ông K chết không để lại di chúc, nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật thành 02 phần cho những người thừa kế của ông K, mỗi kỹ phần được hưởng là 282m<sup>2</sup> (chưa trừ HLATĐB). Tuy nhiên, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và tại mảnh trích lục có đo đạc, chỉnh lý số: 554-2020 ngày 18/01/2021 thể hiện trên đất đã xây dựng 03 căn nhà ở kiên cố, liền vách nhau, căn ở giữa là nhà thờ có chiều ngang 1,94m nhưng là nơi để thờ cúng, được xây dựng theo ý chí của ông K lúc còn sống. Sau khi ông K chết thì căn nhà thờ này vẫn là nơi thờ cúng ông, bà và ông K, hiện ông T đang quản lý và trông nom. Vì vậy, cần chia cho ông Huỳnh Văn T được hưởng phần đất diện tích 329,4m<sup>2</sup> (Ký hiệu A), trên đất có tài sản gồm: Nhà ở (1) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,7m<sup>2</sup>; ki-ốt (1) diện tích 25,5m<sup>2</sup> (trong đó 13,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); ki-ốt (2) diện tích 19,2m<sup>2</sup> (trong đó 9,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); 01(một) điện kế chính; nhà thờ (3) kết cấu nhà một tầng, cột gạch mái ngói, tường gạch, xây tô, nền gạch bông, diện tích 17,9m<sup>2</sup>, 01 (một) giếng khoan để ông T tiếp tục quản lý, sử dụng và thờ cúng. Đồng thời, ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Huỳnh Thị A trị giá đối với phần diện tích chênh lệch được chia là 47,4m<sup>2</sup>, tương ứng số tiền 568.800.000 đồng (= 47,4m<sup>2</sup> x 12.000.000 đồng/m<sup>2</sup>). Chia cho bà Huỳnh Thị A được hưởng phần diện tích đất 234,6m<sup>2</sup> (Ký hiệu B) và tài sản trên đất gồm: Nhà ở (2) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,3m<sup>2</sup>; ki-ốt (3) diện tích 36,5m<sup>2</sup> (trong đó 14m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB) và 01(một) điện kế chính.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị A về việc tranh chấp di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn K đối với ông Huỳnh Văn T.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo quy định của pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng theo quy định, được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 609, 612, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị A về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Huỳnh Văn K cho những người thừa kế gồm: Ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị A.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị A và ông Huỳnh Văn T về việc không tranh chấp tài sản trên đất gồm: Nhà ở (1) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,7m<sup>2</sup>; ki-ốt (1) diện tích 25,5m<sup>2</sup> (trong đó 13,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); ki-ốt (2) diện tích 19,2m<sup>2</sup> (trong đó 9,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); 01(một) điện kế chính; nhà thờ (3) kết cấu nhà một tầng, cột gạch mái ngói, tường gạch, xây tô, nền gạch bông, diện tích 17,9m<sup>2</sup>, 01 (một) giếng khoan do ông Huỳnh Văn T đang quản lý sử dụng; nhà ở (2) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,3m<sup>2</sup>; ki-ốt (3) diện tích 36,5m<sup>2</sup> (trong đó 14m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB) và 01(một) điện kế chính do bà Huỳnh Thị A đang quản lý, sử dụng.

3. Về phân chia hiện vật và thanh toán giá trị tài sản, cụ thể như sau:

- Chia cho ông Huỳnh Văn T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 329,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01354 QSDĐ/CĐBC ngày 13/4/2000 cho hộ ông Huỳnh Văn K và tài sản trên đất gồm: Nhà ở (1) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,7m<sup>2</sup>; ki-ốt (1) diện tích 25,5m<sup>2</sup> (trong đó 13,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); ki-ốt (2) diện tích 19,2m<sup>2</sup> (trong đó 9,4m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB); 01(một) điện kế chính; nhà thờ (3) kết cấu nhà một tầng, cột gạch mái ngói, tường gạch, xây tô, nền gạch bông, diện tích 17,9m<sup>2</sup>, 01 (một) giếng khoan. (Ký hiệu A).

- Chia cho bà Huỳnh Thị A được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 234,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số B1 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01354 QSDĐ/CĐBC ngày 13/4/2000 cho hộ ông Huỳnh Văn K và tài sản trên đất gồm: Nhà ở (2) kết cấu nhà một tầng, tường gạch xây, tô, mái ngói + mái tole, nền gạch men + gạch tàu, diện tích 97,3m<sup>2</sup>; ki-ốt (3) diện tích 36,5m<sup>2</sup> (trong đó 14m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB) và 01(một) điện kế chính. (Ký hiệu B).

(Có sơ đồ vị trí đất phân chia kèm theo)

- Chia cho ông Huỳnh Văn T được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 61H9-6730. Ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu theo quy định.

- Chia cho ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị A mỗi người được hưởng số tiền dư gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi 12.635.600 đồng (Mười hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) đến ngày 11/11/2021 có tại sổ tiết kiệm số AB 00000318351 của ông Huỳnh Văn K tại Ngân hàng N – Chi nhánh Thủ Dầu Một.

Kể từ ngày 12/11/2021 ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị A tiếp tục được hưởng số tiền lãi tương ứng với số dư gốc được chia theo quy định của Ngân hàng.

- Ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Huỳnh Thị A trị giá đối với phần diện tích chênh lệch được chia là 47,4m<sup>2</sup>, tương ứng số tiền là 568.800.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn T về việc thanh toán lại cho bà Huỳnh Thị A trị giá ½ chiếc xe, tương ứng với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01354 QSDĐ/CĐBC do UBND huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp cho hộ ông Huỳnh Văn K ngày 13/4/2000 để điều chỉnh lại cho phù hợp quyết định trên.

- Ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị A có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

#### 4. Chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị A tự nguyện chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

#### 5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn T phải chịu 102.132.712 đồng (Một trăm lẻ hai triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận.

- Bà Huỳnh Thị A phải chịu 101.972.712 đồng (Một trăm lẻ một triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053107 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, bà Huỳnh Thị An còn phải nộp 94.222.712 đồng (Chín mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng



cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thanh Thủy**